ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 68 /2023/QĐ-UBND	*Ninh Thuận, ngày 14 tháng 9 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
Giá dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Ninh Thuận

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 116/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống ma túy, Luật Xử lý vi phạm hành chính về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy;

Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14

tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;

Căn cứ Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;

Căn cứ Thông tư số 62/2022/TT-BTC ngày 05 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước thực hiện chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc; công tác cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, cơ sở cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 2391/TTr-SLĐTBXH ngày 31 tháng 8 năm 2023; Văn bản thẩm định phương án giá số 2544/STC-GCSĐT ngày 07 tháng 7 năm 2023 và Công văn số 3009/STC-GCSĐT ngày 09 tháng 8 năm 2023 của Sở Tài chính và ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 2417/BC-STP ngày 29 tháng 8 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quyết định này quy định giá dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Ninh Thuận.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan đến việc triển khai thực hiện chế độ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh.

b) Người cai nghiện ma túy tự nguyện (hoặc gia đình người cai nghiện ma tuý tự nguyện) tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh.

Điều 2. Giá dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Ninh Thuận

1. Chi phí chung ban đầu:

a) Thời gian cai nghiện tối thiểu 06 tháng: 1.400.000đ/người

ĐVT: đồng

Stt	Nội dung các khoản chi phí ban đầu cho một học viên cai nghiện tự nguyện	Số lượng	Định mức	Đơn giá
I	***Chi phí thuốc điều trị***			
1	Chi phí cai nghiện ma tuý: khám sàng lọc, đánh giá mức độ nghiện, thực hiện các dịch vụ kỹ thuật xét nghiệm y tế theo chỉ định của Bác sỹ.	01 lần	200.000 đ/người/lần	200.000

Stt	Nội dung các khoản chi phí ban đầu cho một học viên cai nghiện tự nguyện	Số lượng	Định mức	Đơn giá
2	Chi thuốc chữa bệnh thông thường, phòng chống lây nhiễm HIV/AIDS, các bệnh truyền nhiễm và phòng chống dịch bệnh cho người cai nghiện bị ốm được điều trị tại cơ sở	01 lần	300.000 đ/người/lần	300.000
II	***Chi phí trang cấp đồ dùng sinh hoạt cá nhân***			
	Tiền mặc, đồ dùng sinh hoạt cá nhân	06 tháng	900.000đ/người/6 tháng *(tương đương 01 lần mức lương cơ sở hiện hành/năm)*	900.000
	Tổng cộng			**1.400.000**

b) Thời gian cai nghiện trên 6 tháng: 2.300.000đ/người

ĐVT: đồng

Stt	Nội dung các khoản chi phí ban đầu cho một học viên cai nghiện tự nguyện	Số lượng	Định mức	Đơn giá
I	***Chi phí thuốc điều trị***			
1	Chi phí cai nghiện ma tuý: khám sàng lọc, đánh giá mức độ nghiện, thực hiện các dịch vụ kỹ thuật xét nghiệm y tế theo chỉ định của Bác sỹ	01 lần	200.000 đ/người/lần	200.000
2	Chi thuốc chữa bệnh thông thường, phòng chống lây nhiễm HIV/AIDS, các bệnh truyền nhiễm và phòng chống dịch bệnh cho người cai nghiện bị ốm được điều trị tại cơ sở	01 lần	300.000 đ/người/lần	300.000
II	***Chi phí trang cấp đồ dùng sinh hoạt cá nhân***			
	Tiền mặc, đồ dùng sinh hoạt cá nhân	01 năm	1.800.00đ/người/năm *(tương đương 01 lần mức lương cơ sở hiện hành/năm)*	1.800.000
	Tổng cộng			**2.300.000**

2. Chi phí tính theo định mức hàng tháng cai nghiện của từng học viên:

ĐVT: đồng

Stt	Nội dung các khoản chi phí cho một học viên cai nghiện tự nguyện /tháng	ĐVT	Định mức	Đơn giá (người/tháng)
1	Tiền ăn ngày thường	Tháng	1.800.000đ/người/tháng (tương đương 01 lần mức lương cơ sở hiện hành/tháng)	1.800.000
2	Tiền sinh hoạt văn hoá văn nghệ, thể thao, vui chơi giải trí, rèn luyện kỹ năng, tư vấn giáo dục điều chỉnh hành vi nhân cách	Tháng	62.500đ/người/tháng	62.500
3	Chi phí điện, nước, sinh hoạt, chất đốt, vệ sinh môi trường - an toàn thực phẩm, đóng góp xây dựng cơ sở vật chất, khấu hao, hao mòn tài sản....	Tháng	404.000 đ/người/tháng	404.000
4	Chi phí quản lý, phục vụ bảo vệ	Tháng	1.125.000 đ/người/tháng *(tương đương 7,5 lần mức lương cơ sở hiện hành/năm)*	1.125.000
	Tổng cộng:			**3.391.500**

3. Chi phí tiền ăn thêm các ngày lễ, tết

ĐVT: đồng

Stt	Nội dung chi phí tiền ăn thêm cho một học viên cai nghiện tự nguyện	Số lượng	Định mức	Đơn giá
	Chế độ tiền ăn thêm			
-	Tiền ăn thêm trong các ngày Lễ, Tết dương lịch	05 ngày	180.000đ/người/ngày *(03 lần tiêu chuẩn ngày thường)*	900.000
-	Tiền ăn thêm trong các ngày Tết nguyên đán	04 ngày	300.000đ/người/ngày *(05 lần tiêu chuẩn ngày thường)*	1.200.000

4. Đối với các nội dung đơn giá chi phí cai nghiện ma túy tự nguyện tính theo lương cơ sở:

Mức giá dịch vụ cai nghiện ma tuý tự nguyện sẽ thay đổi, điều chỉnh khi mức lương cơ sở có sự thay đổi, điều chỉnh.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh có trách nhiệm tổ chức thực hiện thu tiền giá dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện (hoặc gia đình người cai nghiện ma tuý tự nguyện) tại Cơ sở theo đơn giá đã được quy định tại Điều 2 của Quyết định này.

2. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chịu trách nhiệm hướng dẫn và giám sát việc thu tiền giá dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Ninh Thuận.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày *24* tháng 9 năm 2023;

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các Ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh; Giám đốc Cơ sở cai nghiện ma tuý tỉnh và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, LĐTBXH;
- Cục kiểm tra VB QPPL, Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp luật, Bộ Y tế;
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh; UB MTTQVN tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- VPUB: LĐ, KTTH, VXNV, Công báo;
- Lưu: VT. NAM.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Nguyễn Long Biên